

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 02 – 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thông, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/02/2023, 17/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (điểm cầu trung tâm) và UBND thị trấn T (điểm cầu thành phần) xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị H, sinh năm: 1993, địa chỉ: ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Đặng Hoài N, sinh năm: 1995, địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Hoài N tiến hành hôn nhân, tổ chức đám cưới vào năm 2014 và đăng ký kết hôn năm 2018. Trong quá trình

chung sống có con chung là Lê Đăng Ngọc M, sinh ngày 16/7/2015. Do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn tình cảm, nên đã ly thân 02 lần, cụ thể ly thân năm 2015 được 01 năm thì về chung sống lại, sau đó năm 2018 tiếp tục ly thân đến nay. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh N.
- + Về nuôi con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung, nợ chung: không có.
- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đặng Hoài n có văn bản ý kiến: đã tổ chức lễ cưới, chung sống với chị H, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2018 tại UBND xã A. Do phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày nên qua yêu cầu của chị H thì:*
 - + Về hôn nhân: không đồng ý ly hôn với chị H vì còn thương vợ.
 - + Về nuôi con chung: có 01 con chung là cháu Lê Đăng Ngọc M, sinh ngày 16/7/2015, nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.
 - + Về tài sản chung, nợ chung: không có.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu* việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định, riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến để tham gia hoà giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1, giao cháu M cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện T là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] N1 – bị đơn thống nhất về tình trạng hôn nhân là có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn được UBND xã A cấp ngày 26/4/2018) và có con chung là Lê Đặng Ngọc M, sinh ngày 16/7/2015; tài sản chung - nợ chung: không có. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Tại phiên tòa, chị H cho là đời sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, đã ly thân, tình cảm không thể hàn gắn, nên cương quyết xin được ly hôn. Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh N cho là còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, còn anh N thì không đến, cả hai đã ly thân từ năm 2018 đến nay, tuy nói còn thương vợ nhưng anh N không hàn gắn tình cảm, không quan tâm, chứng tỏ cả hai không còn tha thiết cuộc sống hôn nhân này. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, do đó nghĩ cần cho ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: các bên đều có yêu cầu xin được nuôi con, nhưng anh N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, còn chị H tại phiên tòa cho là cháu M sau khi ly thân đã sống với chị tại nhà của mình đến nay, chị làm công nhân đảm bảo điều kiện kinh tế nuôi con, mặt khác theo nguyện vọng cháu M là được sống với chị H. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M.

- Về cấp dưỡng: không có yêu cầu và tại phiên tòa cũng không có ai tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự cho là không có.

[4] Từ nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị H là người khởi kiện thì phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000đồng. Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 92 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Áp dụng các Điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Đặng Hoài N được ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị Lê Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Đặng Ngọc M, sinh ngày 16/7/2015 (hiện cháu M đang sống với chị H).

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số: 0012974, ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Đặng Hoài N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Tam Nông;
- UBND xã An Hoà. .
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Viễn

